

Thứ sáu, ngày 4 tháng 9 năm 2020

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh giảm cùng thị trường thế giới

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/9/2020		•	
Tuần 7/9-11/9/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau khi có sự sụt giảm tương đối mạnh vào đầu phiên, VNINDEX đã có sự hồi phục trở lại và kết thúc phiên giao dịch cuối tuần với mức giảm nhẹ. Dòng tiền đầu tư có sự suy giảm so với phiên hôm trước khi chỉ còn 5/19 nhóm ngành tăng điểm. Khối ngoại hôm nay đã bán ròng trở lại trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường không có sự chênh lệch nhiều so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy tâm lý nhà đầu tư bị ảnh hưởng khá nhiều bởi diễn biến giảm điểm của thị trường Mỹ hôm qua. Mặc dù vậy, tiềm năng tiếp tục tăng của VNIndex vẫn là khá khả quan, tuy nhiên chỉ số có thể sẽ tạm thời tích lũy và dao động đi ngang tại khu vực 890-910 điểm.

Hợp đồng tương lai: Tất cả các HĐTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 844 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 4/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_1.0%

Phân tích kỹ thuật: VCS_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-0.91** điểm, đóng cửa **903.06**. HNX-Index **-0.21** điểm, đóng cửa **125.99**.
- Kéo chỉ số tăng: **BCM (+0.83)**; **VHM (+0.37)**; **MSN (+0.3)**; **VRE (+0.26)**; **VNM (+0.15)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.34)**; **GAS (-0.64)**; **VIC (-0.48)**; **SAB (-0.29)**; **VPB (-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **5,886** tỷ đồng, **-3.85%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 11.72 điểm. Thị trường có **146** mã tăng, 52 mã tham chiếu và **267** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-14.65** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **BCM (-122 tỷ)**, **VHM (-72 tỷ)** và **VCB (-53.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-9.68** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **901.54**
Giá trị: 5886.8 tỷ **-2.43 (-0.27%)**
Khối ngoại (ròng): -14.65 tỷ

HNX-INDEX **126.15**
Giá trị: 467.76 tỷ **0.09 (0.07%)**
Khối ngoại (ròng): -9.68 tỷ

UPCOM-INDEX **58.89**
Giá trị: 0.33 tỷ **-0.07 (-0.12%)**
Khối ngoại(ròng): 0.985 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	41.7	0.87%
Giá vàng	1,940	0.46%
Tỷ giá USD/VND	23,183	0.08%
Tỷ giá EUR/VND	27,513	0.20%
Tỷ giá JPY/VND	21,829	0.06%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	18.18%
LS TPCP 5 năm	1.8%	0.23%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	192.6	BCM	-122.0
VNM	57.7	VHM	-72.0
CTG	41.4	VCB	-53.2
VRE	32.5	BID	-26.4
HPG	16.9	NVL	-17.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Câu chuyện cuối tuần	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_1.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	9/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Chiến tranh thương mại	1.0%	1.2%	2.0%	17.1%	17.1%	1.3%	32.6%
Cổ phiếu ngành Dược	1.0%	0.2%	1.1%	13.8%	13.8%	4.2%	23.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.8%	0.6%	1.0%	15.3%	15.3%	2.0%	26.5%
Corona Avengers	0.4%	3.6%	3.2%	12.1%	12.1%	8.0%	38.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.3%	-0.5%	2.2%	17.8%	17.8%	18.7%	32.9%
Lãi suất giảm	0.2%	1.0%	2.7%	15.0%	15.0%	11.5%	34.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	3.6%	3.1%	9.2%	9.2%	-5.5%	26.9%
FTSE Việt Nam	0.0%	3.6%	3.0%	8.3%	8.3%	-3.3%	27.0%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	0.3%	0.6%	12.8%	12.8%	10.2%	30.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	2.0%	1.8%	12.4%	12.4%	-0.1%	29.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	1.4%	2.0%	11.1%	11.1%	4.3%	32.2%
Xây dựng	-0.3%	-0.7%	0.6%	14.8%	14.8%	6.2%	32.3%
Hàng tiêu dùng	-0.4%	0.8%	1.7%	12.9%	12.9%	3.6%	31.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.5%	1.2%	1.0%	10.9%	10.9%	-2.7%	30.1%
Nước & Năng lượng	-0.6%	1.2%	2.0%	14.7%	14.7%	3.2%	27.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.6%	0.4%	1.0%	11.6%	11.6%	14.0%	22.8%
Stay-at-home	-0.6%	-0.2%	1.5%	14.9%	14.9%	20.2%	36.3%
Ngân Hàng	-0.7%	1.2%	1.5%	15.1%	15.1%	5.1%	35.7%
Đầu tư công	-0.7%	1.3%	0.7%	16.0%	16.0%	9.4%	30.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.7%	0.8%	1.1%	11.4%	11.4%	-10.6%	34.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.7%	1.2%	1.6%	8.7%	8.7%	-3.3%	33.6%
VN FinSelect	-0.7%	1.4%	1.8%	8.5%	8.5%	-3.2%	31.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.8%	1.0%	1.4%	13.3%	13.3%	-4.2%	31.9%
VN Diamond	-0.8%	0.9%	1.3%	11.1%	11.1%	-8.6%	33.0%
Dầu khí	-0.8%	0.6%	0.7%	8.9%	8.9%	-16.8%	41.7%

Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.3%	2.8%	2.7%	11.1%	11.1%	-10.3%	33.1%
S11	-0.2%	2.1%	2.2%	12.9%	12.9%	12.1%	27.9%
L22	-0.2%	1.4%	1.6%	12.5%	12.5%	-4.5%	30.1%
S32	-0.3%	0.8%	1.8%	11.1%	11.1%	-10.0%	36.1%
M31	-0.3%	1.9%	1.5%	14.1%	14.1%	-1.0%	33.0%
L11	-0.3%	1.2%	1.6%	11.6%	11.6%	-1.0%	26.6%
S21	-0.6%	1.7%	1.8%	13.2%	13.2%	-2.2%	29.9%
M22	-0.7%	0.7%	1.3%	10.9%	10.9%	5.0%	27.9%
M12	-0.9%	0.9%	1.5%	10.1%	10.1%	-1.9%	27.6%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.0%	0.6%	1.2%	7.5%	7.5%	-3.5%	27.7%
MID1	-0.3%	1.3%	1.8%	14.9%	14.9%	10.9%	27.6%
HIGH3	-0.5%	1.8%	1.9%	11.2%	11.2%	-3.5%	30.6%

INDEX							
VNINDEX	-0.3%	2.6%	2.3%	9.3%	9.3%	-6.2%	26.4%
VN30INDEX	-0.4%	2.3%	2.0%	9.1%	9.1%	-4.4%	27.7%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	9	16	3	22	4	21
Mục tiêu	9	3	6	1	8	1	8
Rủi ro	3	1	2	0	3	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

https://invest.bsc.com.vn/#/login

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 04/09

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.06	-0.75%	-4.40%	-3.20%	-22.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.76	-0.70%	-4.50%	-4.00%	-22.93%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	119.95	-0.45%	-3.80%	4.00%	-20.87%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1940.29	0.49%	-1.20%	-4.80%	29.87%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.87	1.05%	-2.30%	-0.30%	51.31%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	964.50	-0.16%	1.50%	9.80%	4.58%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	553.25	0.00%	0.80%	6.90%	10.76%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.96	-0.32%	9.30%	12.80%	10.81%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	170.92	-1.86%	-3.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.07	-2.97%	-5.50%	-5.60%	-3.67%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	131.20	-0.08%	7.20%	6.30%	21.37%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6563.50	-1.99%	-0.50%	1.10%	12.29%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	547.67	-1.16%	1.20%	3.40%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1780.00	-0.34%	0.00%	1.60%	-0.22%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	123.13	-2.22%	2.80%	7.30%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	51.15	-1.06%	-0.30%	-8.50%	-34.34%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 3/9, dầu thô Brent giảm 36 US cent tương đương 0.8% xuống 44.07 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 14 US cent tương đương 0.3% xuống 41.37 USD/thùng.
- Giá cổ phiếu tại Mỹ giảm khi các nhà đầu tư bán tháo cổ phiếu công nghệ và lo ngại về sự phục hồi nền kinh tế sau số liệu của Bộ Lao động cho thấy, số người Mỹ nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp được điều chỉnh theo mùa đạt 881.000 trong tuần gần nhất, tiếp tục duy trì ở mức cao với hàng triệu người không có việc làm.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.6% xuống 1,930.24 USD/ounce, sau khi chạm mức thấp nhất 1 tuần (1,921.61 USD/ounce). Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York giảm 0.4% xuống 1,937.8 USD/ounce.
- Giá vàng giảm hơn 1% do số liệu kinh tế tích cực của Mỹ, làm gia tăng kỳ vọng sự phục hồi nhanh chóng và làm giảm sức hấp dẫn đối với kim loại trú ẩn an toàn.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 0.9% lên 857.5 CNY (125.46 USD)/tấn, trong đầu phiên giao dịch đạt 874 CNY/tấn – mức cao kỷ lục. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Singapore tăng 5.8% lên 129 USD/tấn, tăng phiên thứ 5 liên tiếp.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây tăng 0.5%, trong khi giá thép cuộn cán nóng giảm 0.3% và thép không gỉ giảm 2.3%.

Giá nông sản

- Tại New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2020 giảm 0.1 US cent tương đương 0.1% xuống 1.312 USD/lb, sau khi đạt mức cao nhất 8 tháng (1.327 USD/lb) trong phiên trước đó. Giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 11/2020 giảm 4 USD tương đương 0.3% xuống 1,436 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE giảm 0.37 US cent tương đương 3% xuống 12.07 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 5.5 USD tương đương 1.5% xuống 353.6 USD/tấn.

	4/9	% 4/9	3/9	% 3/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	901.54	-0.27%	903.97	1.37%	3.07%	8.94%
S&P 500			3455.06	-3.51%	-0.85%	4.49%
HĐTL S&P500	3475.50	0.40%	3461.50	-3.29%	-0.83%	4.81%
Shang- hai	3355.37	-0.87%	3384.98	-0.58%	-1.42%	-0.66%
Euro Stoxx	3314.69	0.32%	3304.22	-1.01%	-0.03%	1.42%

Phân tích kỹ thuật

VCS_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, tiếp cận vùng mua quá.

Nhận định: VCS đang nằm trong xu hướng hồi phục sau khi tạo xu hướng tăng bậc thang tại vùng giá 60.0 và 64.0 Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI báo hiệu 1 nhịp điều chỉnh ngắn hạn 1,2 phiên nhằm tạo đà tăng điểm trong khi chỉ báo MACD vẫn đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế ở vùng giá 65.0 và chốt lãi quanh ngưỡng giá 76.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 60.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

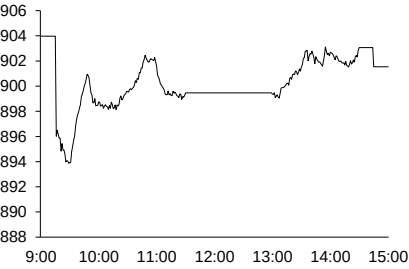
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.24%
Dầu khí	-0.94%
Công nghệ Thông tin	-0.93%
Hóa chất	-0.89%
Ngân hàng	-0.83%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.77%
Bán lẻ	-0.68%
Truyền thông	-0.35%
Bảo hiểm	-0.35%
Y tế	-0.30%
Tài nguyên Cơ bản	-0.24%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.24%
Du lịch và Giải trí	-0.09%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	0.24%
Bất động sản	0.41%
Xây dựng và Vật liệu	0.60%
Ô tô và phụ tùng	0.75%
Dịch vụ tài chính	1.42%

Hình 1

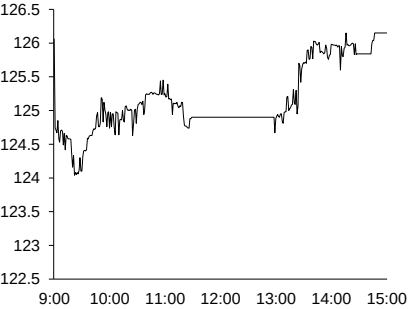
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

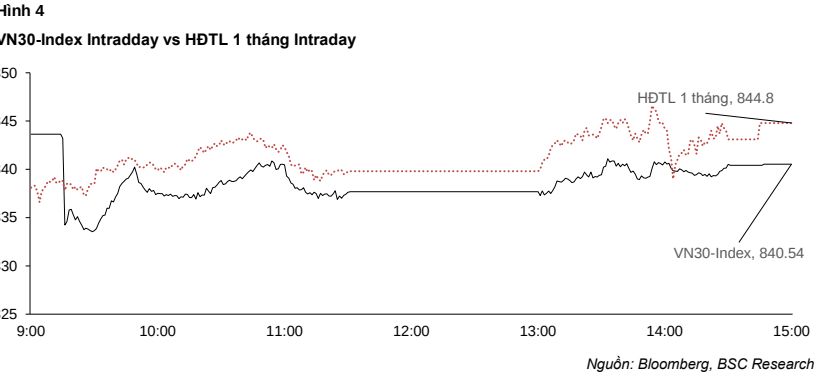
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	12.6	1	0.00%	Có thể tiếp tục mua
9/1/2020	VGTT	8.1	9	7.5	8.4	3	3.70%	Có thể tiếp tục mua
8/31/2020	VJC	103	112	100	107.6	4	4.47%	Có thể tiếp tục mua
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.45	7	-0.64%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	25.2	8	-0.79%	Có thể tiếp tục mua
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	17.45	9	1.75%	Có thể tiếp tục mua
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	94.1	10	7.42%	Có thể tiếp tục mua
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	12	14	1.27%	Có thể tiếp tục mua
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	14	15	4.48%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	105.6	18	7.32%	Có thể tiếp tục mua
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21.1	24	7.93%	Có thể tiếp tục mua
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	44	25	-0.90%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	8.28	11.2	7.4	9.2	29	11.11%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	75.3	32	11.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.9	65	0.78%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	32.9	72	7.20%	Có thể tiếp tục mua
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.95	78	13.77%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	80	80	6.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	40.75	91	9.54%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	TP	9	6.44%
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	TP	22	6.74%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
8/4/2020	HVN	23.05	27	21.5	TP	30	17.14%
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	TP	6	10.00%
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	TP	29	13.27%
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	TP	34	30.00%
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	16	3	6.20%	-0.77%	5.10%	31
Cổ phiếu đã chốt	23	21	10.98%	-9.52%	1.20%	20

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	844.80	-0.61%	4.26	-0.6%	171,193	9/17/2020	13
VN30F2010	839.80	-0.50%	-0.74	37.6%	564	10/15/2020	41
VN30F2012	836.20	-0.69%	-4.34	-57.1%	73	12/17/2020	104
VN30F2103	834.90	-0.52%	-5.64	-56.7%	45	3/18/2021	195

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 3.10 điểm xuống mức 840.54 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, VPB, TCB, VIC và FPT tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 giảm mạnh ngay từ đầu phiên, sau đó có xu hướng tăng nhẹ trở lại, tuy nhiên, vẫn chìm trong sắc đỏ cho đến hết phiên. VN30 có thể vẫn tiếp tục dao động quanh khu vực giá hiện tại trong những phiên tới.

- Tất cả các HDTL đều giảm điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, tất cả các hợp đồng giảm, ngoại trừ VN30F2010. Xét về vị thế mở, tất cả các hợp đồng giảm. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của chỉ số trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 844 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2005	10/29/2020	55	5:1	1,147,880	33.26%	2,100	620	8.77%	325	1.91	70,500	60,000	56,300
CVRE2006	10/29/2020	55	4:1	255,320	45.29%	1,100	1,540	6.94%	1,471	1.05	27,400	23,000	28,500
CMSN2008	11/20/2020	77	5:1	216,810	33.26%	1,530	1,650	4.43%	1,192	1.38	60,650	53,000	56,300
CHDB2003	12/16/2020	103	2:1	345,480	40.53%	2,700	1,240	4.20%	876	1.42	37,523	32,123	29,700
CVRE2007	4/5/2021	213	5:1	690,330	45.29%	1,520	710	2.90%	501	1.42	40,933	33,333	28,500
CVHM2002	11/30/2020	87	1:1	164,920	38.65%	11,500	8,620	1.89%	8,002	1.08	88,500	77,000	80,000
CVNM2004	11/30/2020	87	1:1	24,840	33.46%	17,500	16,090	1.26%	12,719	1.27	133,973	116,473	125,000
CVNM2009	11/20/2020	77	10:1	329,480	33.46%	1,810	2,450	0.82%	2,096	1.17	125,100	107,000	125,000
CVNM2005	10/29/2020	55	10:1	131,920	33.46%	1,500	2,560	0.39%	2,312	1.11	118,000	103,000	125,000
CMWG2007	11/30/2020	87	1:1	27,900	41.53%	12,900	12,240	0.16%	12,010	1.02	99,900	87,000	94,100
CHPG2010	4/5/2021	213	4:1	348,710	38.36%	1,800	1,220	-0.81%	219	5.58	40,300	33,100	24,950
CHPG2015	3/1/2021	178	1:1	52,690	38.36%	6,700	6,540	-2.53%	2,263	2.89	33,200	26,500	24,950
CHPG2009	10/29/2020	55	2:1	122,390	38.36%	1,600	4,020	-3.60%	1,539	2.61	25,700	22,500	24,950
CPNJ2007	11/20/2020	77	5:1	175,270	39.42%	1,670	2,330	-4.12%	1,873	1.24	61,350	53,000	60,600
CMBB2006	10/29/2020	55	2:1	293,010	36.34%	1,100	1,140	-4.20%	1,011	1.13	18,700	16,500	18,050
CHPG2008	11/30/2020	87	1:1	160,110	38.36%	4,100	4,090	-4.22%	890	4.60	32,100	28,000	24,950
CSTB2004	11/30/2020	87	1:1	284,030	43.37%	1,400	1,220	-5.43%	1,162	1.05	12,400	11,000	11,300
CSTB2002	12/16/2020	103	1:1	398,580	43.37%	1,700	1,040	-8.77%	855	1.22	13,588	11,888	11,300
CVPB2007	10/29/2020	55	2:1	261,050	46.36%	1,700	1,130	-11.02%	1,128	1.00	25,900	22,500	23,450
CSTB2003	9/16/2020	12	1:1	881,600	43.37%	1,360	390	-25.00%	464	0.84	12,471	11,111	11,300
Tổng				5,430,720	38.97%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 4/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- CHDB2007 và CVHM2001 tăng mạnh lần lượt là 11.40% và 9.00%. Trái lại, CNVL2001 và CDPM2002 giảm mạnh lần lượt là -19.79% và -17.04%. Giá trị giao dịch giảm -9.92%. CVHM2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.70% thị trường.
- CSTB2003, CVPB2006, CREE2003, CVPB2007, và CMWG2009 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSBT2001, CVJC2001, và CVIC2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

KHÔNG CÓ AI LÀ VÔ DỤNG

Nguồn: Sưu tầm

Có một chàng trai, không thi vào đại học, cha mẹ đã tìm một người vợ cưới về cho anh. Sau khi kết hôn, anh dạy học tại một trường tiểu học trong làng. Vì không có kinh nghiệm, nên chưa đầy một tuần anh đã bị học sinh tẩy chay, khiến anh bị sa thải.

Trở về nhà, người vợ khê khàng lau nước mắt cho anh, an ủi nói:

“Nhưng việc không vừa ý mình thì có đầy ra đó, có người trút ra được, cũng có người trút không được, anh không cần phải thương tâm như vậy, cũng sẽ có nhiều việc thích hợp hơn đang chờ anh kia mà”.

Về sau, anh ra ngoài làm công cho người ta, lại bị ông chủ đuổi về nhà vì anh làm việc quá chậm. Lúc đó, vợ nói với anh:

“Động tác luôn có nhanh có chậm, người ta đã làm việc nhiều năm như vậy, còn anh thì chỉ là học sinh đọc sách, sao có thể nhanh như họ được?”.

Anh lại trải qua rất nhiều công việc, nhưng cũng vẫn thế, phần lớn là bỏ dở nửa chừng. Thế nhưng, mỗi lần anh chán nản thất vọng trở về, người vợ lại luôn luôn an ủi anh, chưa bao giờ than trách một câu.

Lúc hơn 30 tuổi, nhờ vào khả năng thiên phú về ngôn ngữ anh được làm trợ giảng tại trường khuyết tật. Về sau, anh xây dựng được một trường khuyết tật khác. Sau đó, tại rất nhiều thành phố, anh lại xây dựng được rất nhiều phân hiệu khác. Từ đó, anh đã là ông chủ có ngàn vạn tài sản rồi.

Một ngày, công thành danh toại, anh hỏi vợ rằng: “Mỗi lúc anh cảm thấy tiền đồ vô vọng, điều gì đã khiến em lúc nào cũng có lòng tin với anh như vậy?”

Cô trả lời mộc mạc, đơn giản:

“Một mảnh đất, không hợp cho việc trồng lúa mạch, có thể trồng thử đậu; nếu đậu cũng không thích hợp, có thể thử trồng dưa leo; nếu cả dưa leo cũng không được... thì rải lên một ít kiểu mạch nhất định cũng có thể nở hoa. Bởi vì một mảnh đất, luôn luôn có một hạt giống thích hợp với nó, cuối cùng cũng sẽ có thành quả thu hoạch trên mảnh đất đó thôi”.

Trên thế gian này không ai là vô dụng cả, chỉ có điều chúng ta không đặt họ đúng vị trí mà thôi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	94.1	-0.7%	1.3	1,852	4.1	8,348	11.3	3.0	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	60.6	-1.3%	1.3	593	1.9	4,629	13.1	2.9	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	51.3	-0.8%	1.4	1,656	2.7	1,640	31.3	1.9	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	31.3	-1.1%	0.4	304	0.1	2,651	11.8	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	94.0	-0.5%	0.8	13,824	3.4	2,336	40.2	3.8	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	28.5	1.4%	1.1	2,816	7.5	1,057	27.0	2.3	30.5%	8.9%
VHM	Bất động sản	80.0	0.5%	1.3	11,442	7.5	6,784	11.8	3.8	20.6%	37.0%
DXG	Bất động sản	10.0	-1.5%	1.4	225	1.5	658	15.2	0.8	35.8%	2.9%
SSI	Chứng khoán	15.4	1.0%	1.3	402	6.5	1,718	9.0	1.0	48.6%	10.7%
VCI	Chứng khoán	27.8	4.1%	1.0	199	2.3	4,110	6.8	1.2	28.7%	18.7%
HCM	Chứng khoán	19.5	2.6%	1.7	259	5.3	1,608	12.1	1.4	50.6%	11.5%
FPT	Công nghệ	50.0	-0.8%	0.8	1,704	3.3	4,280	11.7	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	48.5	-0.4%	0.4	577	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	74.6	-1.6%	1.4	6,208	3.0	5,169	14.4	2.7	3.3%	20.5%
PLX	Dầu khí	51.6	-1.0%	1.5	2,705	6.6	867	59.5	3.1	15.1%	5.1%
PVS	Dầu khí	12.6	-0.8%	1.5	262	2.2	1,301	9.7	0.5	10.6%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.7	0.0%	0.8	903	0.5	898	7.5	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	102.1	-0.4%	0.6	580	0.0	5,044	20.2	4.2	54.7%	21.2%
DPM	Hóa chất	16.1	-0.9%	0.5	273	2.0	1,700	9.4	0.8	11.3%	8.9%
DCM	Hóa chất	9.2	-0.9%	0.5	211	0.6	709	12.9	0.8	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	84.9	-1.5%	1.1	13,691	9.0	4,915	17.3	3.5	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	42.1	-0.2%	1.3	7,362	3.6	2,132	19.7	2.2	17.7%	12.3%
CTG	Ngân hàng	26.0	0.2%	1.2	4,209	7.4	2,995	8.7	1.2	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.5	-1.1%	1.2	2,485	4.2	4,126	5.7	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	18.1	-0.8%	1.0	1,892	4.0	3,497	5.2	1.0	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	21.1	-0.5%	1.0	1,983	4.3	2,884	7.3	1.5	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	56.4	-0.5%	0.9	201	0.1	5,781	9.8	1.9	82.9%	19.5%
NTP	Nhựa	31.2	0.0%	0.4	160	0.1	3,348	9.3	1.4	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	16.9	7.6%	0.3	727	0.2	356	47.5	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	25.0	-0.2%	1.1	3,594	20.4	2,632	9.5	1.6	35.2%	18.1%
HSG	Thép	11.9	-0.8%	1.5	229	3.9	1,767	6.7	0.9	9.9%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	125.0	0.2%	0.8	9,464	9.3	5,538	22.6	7.2	58.5%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	192.2	-0.8%	0.8	5,359	1.2	6,328	30.4	6.7	63.2%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	56.3	1.6%	1.0	2,875	6.4	3,255	17.3	2.8	38.4%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.5	0.0%	0.8	370	2.2	561	25.8	1.2	5.7%	5.1%
ACV	Vận tải	57.8	-1.5%	0.8	5,471	0.6	3,450	16.8	3.4	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	107.6	0.0%	1.1	2,451	3.1	3,480	30.9	3.8	17.8%	12.3%
HVN	Vận tải	26.2	-0.8%	1.7	1,616	1.3	(3,853)	N/A	N/A	9.2%	-38.4%
GMD	Vận tải	22.4	-1.5%	0.9	289	0.3	1,377	16.3	1.1	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	11.8	-0.8%	1.2	144	1.4	2,076	5.7	0.7	21.2%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.0	3.7%	1.0	452	2.0	8,104	8.3	3.2	3.0%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.2	0.7%	0.8	451	0.6	1,363	17.0	1.6	8.0%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	-1.6%	1.0	251	0.9	1,937	7.8	1.0	6.1%	13.5%
CTD	Xây dựng	75.3	0.1%	1.1	250	1.8	8,453	8.9	0.7	46.7%	7.9%
CII	Xây dựng	18.4	-1.3%	0.3	191	1.2	1,615	11.4	0.8	35.9%	8.0%
REE	Điện	37.3	-0.5%	-1.4	503	0.4	4,780	7.8	1.1	49.0%	14.8%
PC1	Điện	19.6	-0.8%	-0.4	136	0.3	2,176	9.0	0.8	16.3%	9.9%
POW	Điện	10.4	-1.0%	0.6	1,059	1.0	933	11.1	0.9	11.2%	8.1%
NT2	Điện	23.0	-0.2%	0.6	287	0.3	2,685	8.5	1.5	18.7%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.6	1.1%	0.9	278	2.1	1,242	10.9	0.7	20.6%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	41.1	7%	0.9	1,850	1.2	#N/A	N/A	N/A	2.9	2.1% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCM	41.10	6.89	0.77	695510
VHM	80.00	0.50	0.38	2.17MLN
MSN	56.30	1.62	0.30	2.64MLN
VRE	28.50	1.42	0.26	6.10MLN
VNM	125.00	0.24	0.15	1.71MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.36	2.43MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-0.65	937330	607060
VIC	0.00	-0.48	825960.00	373600
SAB	0.00	-0.29	140040.00	192700
PLX	0.00	-0.18	2.92MLN	611640

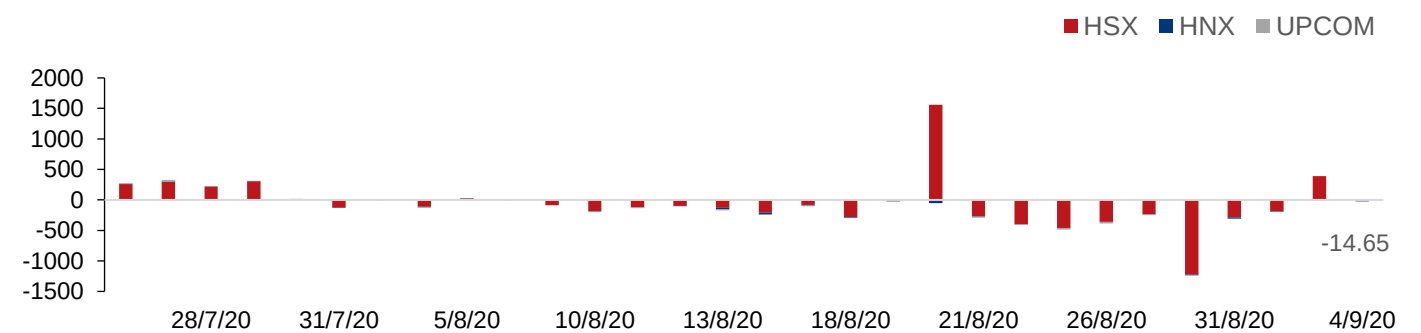
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THI	31.45	6.97	0.03	11930.00
LAF	9.37	6.96	0.00	50
DAT	47.65	6.96	0.04	8800
CTS	7.27	6.91	0.01	627940
BCM	41.10	6.89	0.77	695510

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	27.25	-7.00	-0.01	10
HAP	7.06	-6.98	-0.01	54080
SMA	11.35	-6.97	-0.01	1660.00
DTL	9.54	-6.93	-0.01	560
SGT	5.40	-6.90	-0.01	1250

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	94.1	8,348	11.3	3.0	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.4	885	9.5	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	40.8	5,512	7.4	1.4	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	25.0	1,948	12.8	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	25.0	2,632	9.5	1.6	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	27.6	3,314	8.3	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.5	4,126	5.7	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	48.2	9,998	4.8	1.4	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	56.3	3,255	17.3	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	39.5	4,670	8.4	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	11.9	1,767	6.7	0.9	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	44.0	5,479	8.0	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.5	2,103	12.6	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	25.0	2,632	9.5	1.6	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.9	3,103	7.0	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	60.6	4,629	13.1	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	105.6	4,105	25.7	9.1	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.0	658	15.2	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.0	1,721	12.2	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	22.9	7,132	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	23.2	5,224	4.4	1.0	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	48.7	4,739	10.3	2.0	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	84.9	4,915	17.3	3.5	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.1	2,884	7.3	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	40.8	5,512	7.4	1.4	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.0	5,872	9.9	2.6	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.0	4,280	11.7	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	22.4	1,377	16.3	1.1	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.6	1,242	10.9	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	192.2	6,328	30.4	6.7	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	25.0	1,948	12.8	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	125.0	5,538	22.6	7.2	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.6	1,407	8.9	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	94.1	8,348	11.3	3.0	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	17.5	2,088	8.4	1.2	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.1	5,044	20.2	4.2	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	11.8	2,076	5.7	0.7	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	60.6	4,629	13.1	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.6	4,313	8.0	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	206.8	14,782	14.0	5.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn